

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: ĐỊA LÍ 10 (CHUYÊN)

Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 15/3/2023

Câu 1. (4,0 điểm)

a. Tại sao tốc độ chuyển động của Trái Đất trên quỹ đạo xung quanh Mặt Trời không đều nhau? Tại sao càng xa xích đạo về hai cực, độ dài ngày, đêm càng chênh lệch nhiều? (2,0 điểm)

b. Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất khác nhau như thế nào? Tại sao các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ thường phân bố ở những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo? (2,0 điểm)

Câu 2. (4,0 điểm)

a. Sự phân bố lục địa và đại dương ảnh hưởng như thế nào đến đặc điểm khí hậu trên Trái Đất? Tại sao vào tháng 7, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất dịch chuyển về phía bắc và vào tháng 1 lại dịch chuyển về phía nam? (2,0 điểm)

b. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông. Giải thích sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối của các biển và đại dương theo vĩ độ? (2,0 điểm)

Câu 3. (3,0 điểm)

a. Phân tích ảnh hưởng của nhân tố khí hậu và địa hình đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. Tại sao sinh vật và đất có sự phân hóa theo vĩ độ? (2,0 điểm)

b. Chứng minh rằng thời gian chiếu sáng thể hiện rõ quy luật địa đới. (1,0 điểm)

Câu 4. (3,0 điểm)

a. Tại sao thời gian gần đây, các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn các nước phát triển? (1,0 điểm)

b. Tại sao gia tăng dân số tự nhiên là động lực phát triển dân số? Phân biệt cơ cấu dân số trẻ, dân số già? Ảnh hưởng của dân số trẻ, dân số già đến phát triển kinh tế - xã hội như thế nào? (2,0 điểm)

Câu 5. (4,0 điểm)

a. Tại sao khoa học-công nghệ được coi là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế? (1,0 điểm)

b. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng				
Dầu mỏ (triệu tấn)	3 605,5	3 983,4	4 362,9	4 484,5
Điện (tỉ kWh)	15 555,3	21 570,7	24 266,3	27 004,7

- Để biểu hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000 – 2019, dùng biểu đồ nào là thích hợp nhất? (0,25 điểm)

- Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ, điện của thế giới giai đoạn 2000 – 2019. (1,5 điểm)

- Tại sao ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở các nước đang phát triển và công nghiệp điện lực lại phân bố chủ yếu ở các nước phát triển? (1,25 điểm)

Câu 6. (2,0 điểm)

Nêu các biểu hiện của tăng trưởng xanh. Các nước đang phát triển gặp phải khó khăn gì về kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu; Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm
Họ và tên thí sinh.....; số báo danh.....

(Bản hướng dẫn này gồm 07 trang)

* **Lưu ý:** Nếu thí sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng thì vẫn cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1		4,0
a	Tại sao tốc độ chuyển động của Trái Đất trên quỹ đạo xung quanh Mặt Trời không đều nhau? Tại sao càng xa xích đạo về hai cực, độ dài ngày, đêm càng chênh lệch nhiều?	2,0
	Tốc độ chuyển động của Trái Đất trên quỹ đạo xung quanh Mặt Trời không đều nhau, vì:	1,0
	- Do Trái Đất chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời trên quỹ đạo hình elip, nên có nơi gần Mặt Trời và có nơi xa Mặt Trời./ Trái Đất đến gần Mặt Trời nhất thường vào ngày 3/1 (điểm cận nhật) và ở xa Mặt Trời nhất thường vào ngày 5/7 (điểm viễn nhật).	0,25
	- Vị trí xa hay gần Mặt Trời làm cho lực hút của Mặt Trời đối với Trái Đất khác nhau, từ đó tốc độ chuyển động của Trái Đất khác nhau. Tốc độ chuyển động trung bình của Trái Đất quanh Mặt Trời là 29,8 km/s.	0,25
	- Khi Trái Đất ở gần Mặt Trời nhất, lực hút của Mặt Trời lớn nhất, làm cho Trái Đất chuyển động với tốc độ nhanh hơn (30,3 km/s).	0,25
	+ Khi Trái Đất ở xa Mặt Trời nhất, lực hút của Mặt Trời nhỏ nhất, làm cho Trái Đất chuyển động với tốc độ nhỏ nhất (29,3 km/s).	0,25
	Càng xa xích đạo về hai cực, độ dài ngày, đêm càng chênh lệch nhiều, vì:	1,0
	- Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương, đường phân chia sáng tối chia đôi xích đạo thành hai phần bằng nhau, một phần nằm trong ánh sáng, một phần nằm trong bóng tối.	0,5
	- Càng về cực đường phân chia sáng tối càng cách xa trục Trái Đất, độ chênh lệch diện tích phần sáng và tối càng lớn, nên độ dài ngày và đêm càng chênh lệch nhiều.	0,5
b.	Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất khác nhau như thế nào? Tại sao các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ thường phân bố ở những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo?	2,0
	Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất khác nhau:	1,0
	- Nội lực là lực sinh ra trong lòng Trái Đất; nguyên nhân sinh ra nội lực là do sự phân hủy các chất phóng xạ, các phản ứng hóa học tỏa nhiệt, chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất...	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các vận động kiến tạo như: vận động theo phương thẳng đứng và theo phương nằm ngang; xu hướng của nội lực là tạo ra sự gồ ghề, cao thấp, nhấp mô của địa hình... tạo ra các dạng địa hình kích thước lớn.	0,25
	- Ngoại lực là lực diễn ra trên bề mặt Trái Đất; nguyên nhân sinh ra ngoại lực chủ yếu do nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời.	0,25
	- Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ; xu hướng chung của ngoại lực là phá hủy, san bằng sự gồ ghề, nhấp mô, làm cho địa hình bằng phẳng hơn... tạo ra các dạng địa hình kích thước nhỏ.	0,25
	Các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ thường phân bố ở những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo, vì:	1,0
	- Vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo là những nơi không ổn định, thường có các hoạt động kiến tạo xảy ra	0,25
	- Khi hai mảng tách xa nhau sẽ tạo ra các vết nứt lớn, magma trào lên, tạo nên các dãy núi ngầm, kèm theo hiện tượng động đất hoặc núi lửa như ở sống núi ngầm giữa Đại Tây Dương.	0,25
	- Khi hai mảng lục địa xô vào nhau chúng sẽ bị dồn ép, uốn nếp, vỏ lục địa bị nén ép mạnh và có sự hút chìm của vỏ lục địa dưới vỏ lục địa hình thành các dãy núi lục địa cao, đồ sộ (Ví dụ: Dãy Hi-ma-lay-a được hình thành do mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-li-a xô vào mảng Âu - Á).	0,25
	- Khi một mảng đại dương xô húc với một mảng lục địa, vỏ đại dương bị hút chìm dưới vỏ lục địa tạo thành vực biển sâu và dãy núi cao lục địa (ví dụ: mảng đại dương Na - Xca hút mảng lục địa Nam Mỹ hình thành vực biển Pê-Ru - Chi Lê và dãy núi An - đét) kèm theo đó là động đất, núi lửa...	0,25
	<i>(Nếu học sinh không nêu được ví dụ thì vẫn cho đủ điểm)</i>	
2		4,0
a	Sự phân bố lục địa và đại dương ảnh hưởng như thế nào đến đặc điểm khí hậu trên Trái Đất? Tại sao vào tháng 7, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất dịch chuyển về phía bắc và vào tháng 1 lại dịch chuyển về phía nam?	2,0
	Sự phân bố lục địa và đại dương ảnh hưởng đến đặc điểm khí hậu trên Trái Đất:	1,0
	- Ảnh hưởng đến đặc điểm nhiệt: nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở lục địa, biên độ nhiệt năm ở đại dương nhỏ hơn lục địa...	0,25
	- Ảnh hưởng đến chế độ mưa: những nơi gần biển thường có lượng mưa nhiều hơn những nơi nằm sâu trong lục địa; ngoài ra lượng mưa còn phụ thuộc vào dòng biển nóng hay lạnh chạy ngang qua.	0,25
	- Ảnh hưởng đến khí áp: Làm cho các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành các khu khí áp riêng biệt.	0,25
	- Hình thành các khu khí áp thay đổi theo mùa sinh ra các loại gió: mùa đông lục địa lạnh đi nhiều hình thành áp cao, mùa hạ lục địa bị đốt nóng hình thành áp thấp hình thành các khu vực gió mùa; trong phạm vi hẹp ven biển và thời gian ngắn trong một ngày đêm, sự chênh lệch khí áp giữa đất liền và biển đã sinh ra gió đất và gió biển...	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	Vào tháng 7, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất dịch chuyển về phía bắc và vào tháng 1 lại dịch chuyển về phía nam, vì:	1,0
	- Các áp cao và áp thấp được hình thành trên Trái Đất do nguyên nhân nhiệt lực và động lực, nhưng suy cho cùng đều có nguồn gốc từ nhiệt lực./ Do vậy, các khu áp cao, áp thấp trên bề mặt Trái Đất luôn di chuyển theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.	0,5
	- Vào tháng 7, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời về phía bán cầu Bắc; vào tháng 1, chuyển động về phía bán cầu Nam, nên các khu áp cao và áp thấp cũng chuyển động theo tương ứng.	0,5
b.	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông. Giải thích sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối của các biển và đại dương theo vĩ độ.	2,0
	Các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông.	1,5
	- Chế độ nước sông chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm địa lý tự nhiên của nguồn cung cấp nước và bề mặt lưu vực.	0,25
	- Ảnh hưởng của nguồn cung cấp nước:	
	+ Sông được cấp nước từ hai nguồn chính: nước ngầm là nguồn cung cấp ít biến động, có vai trò điều tiết nước trong năm; nước trên mặt (nước mưa, băng tuyết) là nguồn cấp biến động theo mùa, chế độ nước sông phụ thuộc vào chế độ mưa hoặc băng tuyết tan.	0,25
	+ Tùy thuộc vào số lượng nguồn cấp mà chế độ nước sông phức tạp (trong năm có nhiều mùa lũ, cạn xen kẽ) hay đơn giản (mỗi năm có một mùa lũ và một mùa cạn).	0,25
	- Ảnh hưởng của đặc điểm bề mặt lưu vực:	
	+ Địa hình: độ dốc địa hình làm tăng cường độ tập trung lũ, miền núi có đất đá ít thấm nước thì chế độ nước sông không điều hòa, sườn đón gió mưa nhiều nên sông có lượng nước cấp trên mặt dồi dào hơn sườn khuất gió...	0,25
	+ Hồ, đầm và thực vật: có tác dụng điều tiết dòng chảy, chúng giữ lại trên lưu vực một phần nước mưa hay băng tuyết tan, làm giảm lũ. Lượng nước giữ lại sau đó chảy từ hồ ra hoặc thấm từ nước ngầm sang cung cấp cho sông.	0,25
	+ Sự phân bố và số lượng phụ lưu, chi lưu: Nếu các phụ lưu tập trung trên một đoạn sông ngắn dễ xảy ra lũ chồng lũ; sông có nhiều chi lưu, nước lũ thoát nhanh chế độ nước sông sẽ bớt phức tạp.	0,25
	Sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối của các biển và đại dương theo vĩ độ, vì:	0,5
	- Nhiệt độ nước biển và đại dương thay đổi theo quy luật địa đới, giảm dần từ xích đạo về hai cực. Nguyên nhân chủ yếu do bức xạ mặt trời giảm dần từ xích đạo về hai cực và do tác động của dòng biển nóng và dòng biển lạnh.	0,25
	- Độ muối của nước biển không giống nhau ở những vùng có vĩ độ khác nhau phụ thuộc vào lượng bốc hơi, lượng mưa và lượng nước sông đổ vào.	0,25
3.		3,0
a.	Phân tích ảnh hưởng của nhân tố khí hậu và địa hình đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. Tại sao sinh vật và đất có sự phân hóa theo vĩ độ?	2,0

Câu	Nội dung	Điểm
	Phân tích ảnh hưởng của nhân tố khí hậu và địa hình đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.	1,5
	- Khí hậu:	
	+ Mỗi loại sinh vật thích nghi với một giới hạn sinh thái nhất định.	0,25
	+ Nhiệt độ tác động tới các quá trình sinh trưởng, phát triển và quy định vùng phân bố của sinh vật.	0,25
	+ Ánh sáng Mặt Trời là nguồn cung cấp năng lượng chính cho sự sống trên Trái Đất; ánh sáng tác động tới quá trình quang hợp của cây xanh, đến khả năng định hướng và sinh sản của động vật.	0,25
	- Địa hình:	
	+ Độ cao của địa hình làm thay đổi lượng nhiệt, lượng nước và các chất dinh dưỡng trong đất mà cây nhận được.	0,25
	+ Nhiệt ẩm thay đổi theo độ cao làm cho phân bố thực vật cũng thay đổi theo và hình thành nên các vành đai tương ứng sự thay đổi theo chiều vĩ độ.	0,25
	+ Độ dốc và hướng sườn cũng tác động đến lượng nhiệt, ánh sáng và ẩm mà thực vật nhận được.	0,25
	Sinh vật và đất có sự phân hóa theo vĩ độ, vì:	0,5
	- Sự phân bố sinh vật và đất theo vĩ độ phụ thuộc chủ yếu vào khí hậu (chủ yếu là chế độ nhiệt, ẩm)./ Do Trái Đất hình cầu, nên từ xích đạo về cực, ánh sáng và nhiệt giảm dần, chế độ nhiệt, ẩm cũng có sự thay đổi khác nhau, kéo theo sự phân bố đất và sinh vật tương ứng.	0,25
	- Do mỗi loài sinh vật thích nghi với một chế độ nhiệt nhất định. Đồng thời, nước và độ ẩm là yếu tố rất quan trọng đối với sinh vật, nên sự phân bố sinh vật chịu ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ nhiệt, ẩm./ Đối với đất, các yếu tố nhiệt, ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất; ngoài ra, còn có tác động gián tiếp thông qua sinh vật.	0,25
b.	Chứng minh thời gian chiếu sáng thể hiện rõ quy luật địa đới.	1,0
	- Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ (từ xích đạo về hai cực). Thời gian chiếu sáng thay đổi có tính quy luật từ xích đạo về hai cực một cách rõ rệt:	0,25
	+ Xích đạo: Ngày dài bằng đêm.	0,25
	+ Từ xích đạo về hai cực, chênh lệch độ dài ngày đêm càng lớn.	
	+ Từ vòng cực về phía cực có hiện tượng ngày hoặc đêm dài suốt 24 giờ.	0,5
	+ Càng gần cực, số ngày hoặc đêm địa cực càng tăng.	
	+ Ở hai cực, số ngày hoặc đêm dài 24 giờ kéo dài suốt 6 tháng.	
4.		3,0
a.	Thời gian gần đây, các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn các nước phát triển, vì:	1,0
	- Các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số nhanh hơn, vì:	
	+ Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh, các đô thị lớn đồng thời là các trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn ... thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị.	0,25
	+ Quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh, tăng số lượng đô thị đặc biệt là đô thị lớn, mở rộng quy mô đô thị... thu hút dân cư từ nông thôn ra thành thị.	0,25
	- Các nước phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị chậm hơn, vì:	

Câu	Nội dung	Điểm
	+ Chất lượng cuộc sống cao, ít có sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, hơn nữa dân cư càng di chuyển về nông thôn do thành thị ô nhiễm môi trường...	0,25
	+ Thời điểm hiện tại, khả năng tạo việc làm, tăng thu nhập không còn hấp dẫn như giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa.	0,25
b.	Tại sao gia tăng dân số tự nhiên được coi là động lực phát triển dân số? Phân biệt cơ cấu dân số trẻ, dân số già? Ảnh hưởng của dân số trẻ, dân số già đến phát triển kinh tế- xã hội như thế nào?	2,0
	Gia tăng dân số tự nhiên được coi là động lực phát triển dân số, vì:	1,0
	- Gia tăng dân số tự nhiên do hai nhân tố chủ yếu quyết định là sinh đẻ và tử vong.	0,25
	- Tỉ suất gia tăng tự nhiên được tính là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô ($^0/_{00}$) và tỉ suất tử thô ($^0/_{00}$). Đơn vị tính phần trăm ($^0/_{o}$).	0,25
	- Nếu tỉ suất sinh thô lớn hơn tỉ suất tử thô thì dân số biến động tăng lên; nếu tỉ suất sinh thô nhỏ hơn tỉ suất tử thô thì dân số biến động giảm xuống.	0,25
	- Do vậy, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên quyết định đến biến động dân số của một quốc gia, khu vực và trên toàn thế giới và được coi là động lực phát triển dân số.	0,25
	Phân biệt cơ cấu dân số trẻ, dân số già. Ảnh hưởng của dân số trẻ, dân số già đến phát triển kinh tế- xã hội.	1,0
	- Cơ cấu dân số trẻ, nếu số người dưới 15 tuổi chiếm $\geq 35\%$ và số người từ 65 tuổi trở lên $< 7\%$ tổng số dân.	0,25
	- Cơ cấu dân số già, nếu số người dưới 15 tuổi chiếm $< 35\%$ và số người 65 tuổi trở lên chiếm $\geq 14\%$ tổng số dân.	0,25
	+ Cơ cấu dân số trẻ: nguồn lao động dự trữ dồi dào, nguồn lao động khá đông. Tuy nhiên, chi phí cho chăm sóc trẻ em lớn, gặp nhiều khó khăn về việc làm, giáo dục đào tạo...	0,25
	+ Cơ cấu dân số già: nguồn lao động đông. Tuy nhiên, thiếu lao động bổ sung trong tương lai, chi phí chăm sóc người già lớn.	0,25
5.		4,0
a.	Khoa học - công nghệ được coi là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, vì:	1,0
	- Khoa học - công nghệ góp phần mở rộng khả năng khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác./ (ví dụ, khoa học và công nghệ đã làm biến đổi chất lượng nguồn lao động theo hướng chuyển từ lao động cơ bắp sang lao động sử dụng máy móc, lao động trí tuệ, làm tăng năng suất lao động). <i>(Thí sinh có thể lấy một ví dụ khác nhưng phải đúng mới cho điểm)</i>	0,5
	- Khoa học - công nghệ thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế/ theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, tăng quy mô sản xuất các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.	0,25
	- Khoa học - công nghệ góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế; thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. <i>(Đúng 2/3 ý cho điểm tối đa).</i>	0,25

Câu	Nội dung	Điểm																				
b.	Để thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới, giai đoạn 2000-2019 dùng biểu đồ nào là thích hợp nhất? Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ, điện của thế giới giai đoạn 2000 - 2019. Tại sao ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở các nước đang phát triển và công nghiệp điện lực lại phân bố chủ yếu ở các nước phát triển?	3,0																				
	- Để thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000-2019, dùng biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp (cột - đường) hoặc biểu đồ cột ghép. <i>(Các biểu đồ khác không cho điểm)</i>	0,25																				
	TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019 (Đơn vị: %) <table><tr><th>Năm</th><th>2000</th><th>2010</th><th>2015</th><th>2019</th></tr><tr><td>Sản lượng</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Dầu mỏ</td><td>100</td><td>110,5</td><td>121,0</td><td>124,4</td></tr><tr><td>Điện</td><td>100</td><td>138,7</td><td>156,0</td><td>173,6</td></tr></table> <i>(Thí sinh có thể làm tròn một hoặc hai chữ số thập phân, kết quả tính đúng hết mới cho điểm)</i>	Năm	2000	2010	2015	2019	Sản lượng					Dầu mỏ	100	110,5	121,0	124,4	Điện	100	138,7	156,0	173,6	0,25
	Năm	2000	2010	2015	2019																	
	Sản lượng																					
	Dầu mỏ	100	110,5	121,0	124,4																	
	Điện	100	138,7	156,0	173,6																	
	Nhận xét: - Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000 -2019 đều tăng, nhưng điện tăng nhanh hơn so với dầu mỏ. Điện tăng 73,6 %, dầu mỏ chỉ tăng 24,4 %.	0,5																				
	Giải thích: - Cả hai sản phẩm đều tăng là do nhu cầu cho sản xuất và đời sống, do khoa học kĩ thuật và công nghệ ngày càng phát triển nên sản xuất được sản lượng lớn.	0,25																				
	- Điện tăng tăng trưởng nhanh hơn so với dầu mỏ, vì: + Dầu mỏ là tài nguyên hữu hạn trong tự nhiên, nên các nước vừa tiêu dùng vừa bảo vệ, không khai thác tối đa, việc sử dụng gây ô nhiễm môi trường. + Trong khi điện hiện nay đã sử dụng những nguồn năng lượng lớn và vô hạn, như gió, năng lượng Mặt Trời... (sử dụng tối đa) hoặc năng lượng hạt nhân cũng cho ra sản lượng điện rất lớn, nên tốc độ tăng trưởng sản lượng điện vượt hẳn dầu mỏ.	0,5																				
Ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở các nước đang phát triển và công nghiệp điện lực lại phân bố chủ yếu ở các nước phát triển, vì:	1,25																					
- Công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố gắn liền với những nơi có nhiều tài nguyên dầu mỏ.	0,25																					
- Các nước đang phát triển chiếm phần lớn trữ lượng dầu mỏ của toàn thế giới (hơn ¾). Tập trung chủ yếu ở các khu vực: Tây Nam Á, Bắc Phi, Mỹ Latinh, Đông Á và Đông Nam Á. Do đó, công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở các nước đang phát triển.	0,25																					
- CN điện lực phân bố chủ yếu ở các nước phát triển, vì: + Ngành này đòi hỏi trình độ khoa học kĩ thuật hiện đại, nguồn vốn lớn. + Điện là nguồn năng lượng không thể thiếu trong xã hội hiện đại.	0,25																					

Câu	Nội dung	Điểm
	+ Các nước phát triển có trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại nên có khả năng sản xuất điện từ nhiều nguồn, kinh tế phát triển nên có nguồn vốn lớn.	0,25
	+ Các nước phát triển lại có nền kinh tế phát triển cao, nhiều ngành sản xuất hiện đại, chất lượng cuộc sống của người dân cao dẫn đến nhu cầu về điện năng rất lớn.	0,25
6.	Nêu các biểu hiện của tăng trưởng xanh. Các nước đang phát triển gặp phải khó khăn gì về kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?	2,0
	Các biểu hiện của tăng trưởng xanh:	1,0
	+ Tăng trưởng xanh lấy chính các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu làm động lực cho tăng trưởng kinh tế.	0,5
	+ Tăng trưởng xanh hướng tới việc sử dụng tài nguyên có hạn của Trái Đất một cách hiệu quả hơn, tăng năng suất lao động, đồng thời giảm các tác động đến môi trường.	0,25
	+ Tăng trưởng xanh cũng thể hiện ở việc giảm bất bình đẳng thông qua tiêu dùng xanh, đổi mới sản xuất và kinh doanh.	0,25
	Các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường:	1,0
	- Các nước đang phát triển chiếm phần lớn diện tích và dân số thế giới, là nơi đang giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ giữa môi trường và sự phát triển:	
	+ Đây là khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên cả về chủng loại lẫn trữ lượng, đặc biệt rất giàu tài nguyên khoáng sản, rừng, đất trồng để phát triển kinh tế - xã hội.	0,25
	+ Các nước đang phát triển phần lớn là các nước nghèo, chậm phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng chậm phát triển, thiếu vốn, thiếu công nghệ, nợ nước ngoài, hậu quả của chiến tranh và xung đột triền miên, sức ép dân số, nạn đói... đã làm cho môi trường các nước đang phát triển bị hủy hoại nghiêm trọng.	0,5
	+ Các công ty tư bản nước ngoài đã lợi dụng những khó khăn về kinh tế để bóc lột tài nguyên, chuyển giao những công nghệ cũ, lạc hậu dễ gây ô nhiễm môi trường và thất thoát, lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. + Sự chậm phát triển - sự hủy hoại môi trường - sự bùng nổ dân số là những cái vòng luẩn quẩn mà các nước đang phát triển bị trói buộc, cần phải tháo gỡ để thoát khỏi đói nghèo.	0,25
Tổng	Câu 1 + câu 2 + câu 3 + câu 4 + câu 5 + câu 6	20

----- HẾT -----